ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /BC-UBND	*Tân An, ngày 23 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2016-2020
==========

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn 5 năm.

Được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cấp ủy và chính quyền địa phương, xã Tân An đã xác định Chương trình xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết. Từ đó có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị xã với mục tiêu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Đảng ủy xã đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình; Đảng ủy đã thành lập Ban chỉ đạo, Ủy ban nhân dân xã đã thành lập, thường xuyên củng cố kiện toàn Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn trên địa bàn xã để xây dựng Đồ án, Đề án, kế hoạch xây dựng nông thôn mới làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện chương trình.

2**. Công tác ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình đến thời điểm đánh giá; tổng hợp kết quả thực hiện công tác ban hành cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn tại các bộ, ngành và địa phương để triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm.**

UBND xã Tân An ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 về việc kiện toàn Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Tân An giai đoạn 2016-2020, trong đó có 01 Trưởng ban, 02 Phó ban và 31 thành viên giúp việc cho Ban Quản lý triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Bố trí 01 công chức Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp và Môi trường chuyên trách về lĩnh vực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Hàng năm Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã đã xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã; phân công nhiệm vụ cụ thể từng cán bộ công chức gắn với công việc chuyên môn và phụ trách địa bàn, đánh giá các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thường xuyên và đề ra những giải pháp thiết thực từng chỉ tiêu, tiêu chí để thực hiện đạt chuẩn theo quy định; nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn nông thôn mới, tránh xảy ra

tình trạng tái không đạt, hướng đến đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Đánh giá công tác điều phối, phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan liên quan và cơ chế phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.

UBND xã đã tranh thủ sự hỗ trợ, hướng dẫn về nghiệp vụ của văn phòng điều phối huyện trong việc triển khai nhiệm vụ tại địa phương. Có sự trao đổi, thông tin nhất nhất hai chiều trong thực hiện chương trình.

Tại địa phương cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ trong việc huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

4. Kết quả triển khai công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá Chương trình của cơ quan chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần và của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong giai đoạn 5 năm.

HĐND nhân dân xã cùng với Ban giám sát cộng đồng có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương. Cộng đồng người dân trực tiếp giám sát các hạng mục công trình trong tổ chức thực hiện từng chương trình từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, nghiệm thu kết qủa thực hiện và sử dụng kết quả thực hiện. Các công trình đầu tư, dự án được triển khai thực hiện trên địa bàn đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình so với kế hoạch được phê duyệt

Từ năm 2016 đến năm 2019 xã Tân An duy trì và giữ vững xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh gia lai.

Tính đến tháng 12 năm 2020, xã Tân An đạt 18/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn nông thôn mới. Xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định (theo lộ trình đăng ký đến cuối năm 2019 đạt xã đạt chuẩn nông thôn mới theo chuẩn nâng cao – theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 4-7-2018 của UBND tỉnh).

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng nội dung, dự án thành phần thuộc Chương trình.

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
I. Quy hoạch					

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	
II. Hạ tầng kinh tế-xã hội					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100%	Có 11,2km đạt chuẩn/ tổng số 11,2km (Đạt 100%)	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa 100%	Có 14,1km đạt chuẩn/ tổng số 14,1km (Đạt 100%)	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100% Trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 70%	Có 29,8km đạt chuẩn/ tổng số 31,8km (Đạt 93,7%)	
		2.4.Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa ≥ 85%	Có 60,8km đạt chuẩn/ tổng số 70,5km (Đạt 86,25%)	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên (Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới và Diện tích gieo trồng cả năm được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí)	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Có 1.609,21ha được tưới tiêu/tổng số 1.767 ha (Đạt 91,07%)	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đáp ứng yêu cầu	
		3.3 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các	Đạt	Đáp ứng yêu cầu	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
		công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	(theo QĐ số 301/QĐ-UBND)		
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	Có 3.093 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 3.093 hộ (Đạt 100%)	Đạt
5	Trường học	5.1 Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	- Đối với xã có từ 4 trường trở lên: 75% - Đối với trường có từ 3 trường trở xuống: 100%.	Tỷ lệ đạt: 100% (4/4 trường)	Đạt
		5.2 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trường học các cấp, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Xã có 01 nhà văn hóa sử dụng chung với Hội trường UBND xã và 01 khu thể thao (diện tích 5.250m2). Hiện nay đã có Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã, dự kiến thi công trong năm 2021.	Đạt

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
		6.2 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình nhà văn hóa không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đáp ứng yêu cầu	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Có 01 chợ nông thôn	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 85%	Có 2.959 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 3.093 hộ (Đạt 95,67%)	
III. Kinh tế và tổ chức sản xuất					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Cao gấp 1,2 lần trở lên so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	45,712 triệu đồng	Đạt

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Giảm ít nhất 0,5 lần so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	47/3.093 hộ chiếm 1,52%	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 95%	Có 9.542 có việc làm/tổng dân số trong độ tuổi lao động 9.840 người. (Đạt 96,97%)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Hợp tác xã hoạt động hiệu quả: Liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất hoạt động có lãi.	Có 03 hợp tác xã: HXT Nông nghiệp Tân An, HTX Nông nghiệp và Dịch vụ An Trường Phát, HTX cải tạo rộng đất và khai thác đá Lộc Thịnh. Trong đó, HXT Nông nghiệp Tân An và HTX Lộc Thịnh 2 năm gần nhất hoạt động có lãi.	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo hiệu quả, bền vững	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-	Có mô hình liên kết sản xuất và bao tiêu sản	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
			UBND)	phẩm trên cây mía, cây rau	
		13.3 UBND xã lập kế hoạch phát triển hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, trình UBND huyện phê duyệt (có kế hoạch của UBND xã được UBND huyện phê duyệt)	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
		13.4 Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn (có báo cáo kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá)	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
		13.5 Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã có khả năng áp dụng cơ giới hoá	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
		13.6 Có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn hoặc có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Có mô hình sản xuất rau an toàn; sản xuất ứng dụng công nghệ cao trên cây rau	Đạt
		13.7 Giải quyết có hiệu quả việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất.	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
IV. Văn hóa – xã hội – môi trường					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 3	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥ 85%	Tỷ lệ đạt: 97,89% (139/142hs)	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 65%	Tỷ lệ đạt: 68,42% (6.715/9.815 người)	
		14.4 Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng lao động tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Tỷ lệ đạt: 100% (9.840/9.840 người)	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 90%	Tỷ lệ đạt: 95,52% (10.619/11.117 người)	Đạt
		15.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 25%	Tỷ lệ đạt: 9,5% (115/1,211 trẻ em)	
		15.3 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trạm y tế, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥ 80%	Có 10 thôn, làng đạt chuẩn văn hóa/tổng số 10 thôn, làng (Đạt 100%)	Đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã.	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND))	Tỷ lệ đạt: 100% (100% nước sạch) (3.093/3.093 hộ)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Duy trì đạt	Có 46 cơ sở đảm bảo quy định môi	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
				trường/tổng số 46 cơ sở (Đạt 100%)	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đáp ứng yêu cầu	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Phù hợp	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt theo quy định	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	Tỷ lệ đạt: 98,45% (3.045/3.093) hộ)	
		17.7.Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 75%	Tỷ lệ đạt: 83,86% (759/905 hộ)	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Duy trì đạt 100%	Tỷ lệ đạt: 100% (1.922/1.922)	
		17.9. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
V. Hệ thống chính trị					
18		18.1. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" .	Duy trì đạt	Đảng bộ không đạt trong sạch vững mạnh	Không đạt
		18.2. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã được đánh giá đạt loại cao nhất, khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xét công nhận hàng năm	100	Đạt	
		18.3. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo	Đạt (theo QĐ số	Đạt	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
		quy định	301/QĐ-UBND)		
		18.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt khi: Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn	Đạt	
		18.5. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Tỷ lệ đạt: 100% (23/23 người)	
		18.6 Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định	Đạt	Đạt	
	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.7 Thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
		18.8 100% các thôn, làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng.	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Tỷ lệ đạt: 100% (10/10 thôn)	
19	**19. Quốc phòng và an ninh**	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên:	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
		19.3 Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định đạt chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
		19.4 Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt (theo QĐ số 301/QĐ-UBND)	Đạt	
Tổng hợp: Đạt 18 tiêu chí/19 tiêu chí nông thôn mới Các tiêu chí chưa đạt: 01 (tiêu chí số 18)					

II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Có phụ lục kèm theo

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Trong 05 năm qua, công tác triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, được sự quan tâm đầu tư của trung ương, tỉnh và đặc biệt có sự lãnh đạo chỉ đạo của Huyện ủy - UBND huyện, Đảng ủy, Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện Chương trình; nhiều cơ chế chính sách được ban hành có tác dụng thiết thực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai.

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới", phong trào "con đường hoa - hàng rào xanh"; "ngày thứ 7 tình nguyện"; "Ngày chủ nhật xanh"; "Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn", "nông dân thi đua sản xuất kinh tế giỏi", "Nông dân giữ vững Quốc phòng – an ninh"…đã thu hút sự tham gia của MTTQ, các tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn, bước đầu đã thu được những kết quả đáng khích lệ, đó là qua công tác tuyên truyền, phổ biến, phát động cùng với việc triển khai thực hiện các chương trình đã làm cho toàn thể cán bộ và nhân dân xã nhà nhận thức rõ về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Qua đó đã có sự đồng thuận và tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch nhằm thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã mà cấp ủy, Chính quyền, Mặt trận và Đoàn thể xã đã đề ra.

IV. ĐÁNH GIÁ TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Một vài hộ dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại Nhà nước, chưa tích cực tham gia chung sức xây dựng nông thôn mới.

Công tác tuyên truyền vận động nhân dân đôi lúc chưa được thực hiện đồng bộ ở một số ban ngành các thôn.

Sản xuất nông nghiệp nhìn chung vẫn phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả còn thấp, thiếu bền vững

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Bài học kinh nghiệm

- Xây dựng nông thôn mới là Chương trình tổng hợp, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, do đó để thực hiện tốt phải có quyết tâm cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu để huy động hệ thống chính trị vào cuộc chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Công tác tuyên truyền phải được đặt lên hàng đầu. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, của mọi cấp, mọi ngành và của mọi người dân. Làm sao để mọi người dân thông suốt và ủng hộ. Hình thức tuyên truyền phải phong phú, đa dạng, thường xuyên, liên tục. Các ban ngành đoàn thể của xã cũng như dưới thôn thường xuyên gặp gỡ người dân, vận động nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân để người dân nhận thức sâu sắc rằng xây dựng nông thôn mới là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, cần có sự tham gia đóng góp của mỗi gia đình, mỗi cá nhân thì mới thành công được, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người dân. Nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của nhân dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Trong quá trình triển khai thực hiện phải kiểm tra, đôn đốc, đánh giá thường xuyên để có sự điều chỉnh và giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên kịp thời các tập thể, các nhân làm tốt và có nhiều đóng góp cho Chương trình.

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ lâu dài, không thể nóng vội, lựa chọn những tiêu chí dễ làm trước, khó làm sau, ưu tiên đầu tư các công trình cấp thiết và các công trình trực tiếp phục vụ phát triển sản xuất, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

2. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị lãnh đạo các cấp quan tâm, hỗ trợ một số nội dung sau:

- Các cấp, các ngành quan tâm, phối hợp tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã, giúp người dân có thu nhập ổn định hơn.

- Sớm hỗ trợ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn (đã được nhân dân đăng ký vào năm 2019), để 10/10 thôn được cung cấp nước sạch tập trung và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch.

- Hỗ trợ kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên, không để xuống cấp đối với các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, văn hóa và công trình cấp nước.

Trên đây là báo cáo đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 5 năm 2016-2020. UBND xã Tân An báo cáo PhòngTài chính-kế hoạch huyện tổng hợp, theo dõi./.

Nơi nhận:
- Phòng TC&KH;
- Lưu: VT, Mỹ Loan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TÂN AN H.ĐAK PƠ T.GIA LAI

Phạm Thị Ngọc Loan